

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục kỹ thuật bổ sung trong khám,
chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ CÀ MAU

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám chữa bệnh và Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Tờ trình số 77/TTr- BV ngày 30/10/2019 của Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời về việc xin phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật và đề nghị của Hội đồng tư vấn xét duyệt danh mục các kỹ thuật trong khám, chữa bệnh Sở Y tế Cà Mau họp ngày 26/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh cho Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau gồm 66 kỹ thuật: *Có danh mục kèm theo;*

Điều 2. Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh bổ sung của Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời quy định phạm vi chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh, chuyên tuyến, thanh quyết toán bảo hiểm y tế;

Điều 3. Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời có nhiệm vụ triển khai thực hiện các kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan về bảo đảm an toàn cho người bệnh;

Điều 4. Các ông, bà Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu VT, NVY

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dũng

DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG

Trong khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời
(Kèm theo Quyết định số 20/QĐ-SYT ngày 10/01/2020 của Sở Y tế Cà Mau)

TT	TT (TT43 &TT21)	TÊN KỸ THUẬT
<i>Theo Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế</i>		
I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC		
		A. TUẦN HOÀN
1	20	Siêu âm dẫn đường đặt Catheter tĩnh mạch cấp cứu
2	21	Siêu âm dẫn đường đặt Catheter động mạch cấp cứu
		B. HÔ HẤP
3	91	Chọc hút khí phế quản qua màng nhẵn giáp
		C. TIÊU HÓA
4	233	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu có gây mê tĩnh mạch
5	244	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm
II. NỘI KHOA		
		A. TIM MẠCH
6	116	Siêu âm tim 4D
		B. TIÊU HÓA
7	273	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ
8	322	Siêu âm can thiệp - Chọc dịch ổ bụng xét nghiệm
III. NHI KHOA		
		RĂNG - HÀM - MẶT
		RĂNG
9	1800	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
10	1801	Phẫu thuật nhổ răng ngầm
11	1802	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân
12	1803	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân và chia tách chân
13	1804	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng
14	1805	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc

TT	TT (TT43 &TT21)	TÊN KỸ THUẬT
15	1806	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng
16	1807	Phẫu thuật cắt cuống răng
17	1833	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
18	1845	Chụp tuỷ bằng MTA
19	1854	Phẫu thuật nội nha - hàn ngược ống tuỷ
20	1910	Điều trị thói quen xấu mút môi sử dụng khí cụ tháo lắp
21	1911	Điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi sử dụng khí cụ tháo lắp
22	1912	Điều trị thói quen xấu mút ngón tay sử dụng khí cụ tháo lắp
23	1913	Điều trị thói quen xấu thở miệng sử dụng khí cụ tháo lắp
IV. PHỤ SẢN		
		<i>PHỤ KHOA</i>
24	82	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản
25	83	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ
26	88	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ
27	90	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ
V. MẮT		
28	44	Phẫu thuật lấy thủy tinh thể ngoài bao có hoặc không đặt IOL
29	172	Khâu phục hồi bờ mi
30	219	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương
		Thăm dò chức năng và xét nghiệm
31	257	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử)
VI. RĂNG HÀM MẶT		
		<i>RĂNG</i>
32	120	Chốt cùi đúc kim loại
33	121	Cùi đúc Titanium
34	122	Cùi đúc kim loại quý
35	123	Inlay/Onlay kim loại
36	124	Inlay/Onlay hợp kim Titanium

TT	TT (TT43 &TT21)	TÊN KỸ THUẬT
37	125	Inlay/Onlay kim loại quý
38	126	Inlay/Onlay sứ toàn phần
39	127	Veneer Composite gián tiếp
40	128	Veneer sứ toàn phần
41	143	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi
42	144	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
43	145	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay
VII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG		
		VẬT LÝ TRỊ LIỆU (Nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho bệnh nhân)
44	18	Điều trị bằng Parafin
VIII. HÓA SINH		
		MÁU
45	24	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)
46	56	Định lượng Digoxin
47	118	Định lượng Mg
48	155	Định lượng Theophylline
IX. VI SINH		
		A. VI KHUẨN
		Vi khuẩn khác
49	98	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh
		B. VI RUS
		Hepatitis virus
50	119	HBsAg miễn dịch tự động
51	121	HBsAg định lượng
52	124	HBsAb định lượng
53	126	HBc IgM miễn dịch tự động
54	132	HBeAg miễn dịch tự động
55	135	HBeAb miễn dịch tự động

TT	TT (TT43 &TT21)	TÊN KỸ THUẬT
56	146	HCV Ab miễn dịch tự động
Theo Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế		
I. HỒI SỨC TÍCH CỰC & CHỐNG ĐỘC		
		A. HÔ HẤP
57	310	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy
		B. TIÊU HÓA
58	356	Chọc hút dẫn lưu dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị viêm tụy cấp
II. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG		
		A. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (Nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn NB)
59	181	Kỹ thuật ngồi, đứng dậy từ sàn nhà
		B. KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (Nhân viên y tế thực hiện)
60	199	Lượng giá trẻ tự kỷ theo tiêu chuẩn DSM-IV
61	200	Lượng giá trẻ tự kỷ bằng thang điểm CARS
62	202	Lượng giá kỹ năng vận động thô theo thang điểm GMFM
63	203	Lượng giá kỹ năng vận động trẻ bại não theo thang điểm GMFCS
64	204	Lượng giá mức độ co cứng bằng thang điểm Ashworth (MAS)
		C. DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH VÀ TRỢ GIÚP (Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh sử dụng và bảo quản)
65	230	Kỹ thuật sử dụng giày, nẹp chỉnh hình điều trị các dị tật bàn chân (bàn chân bẹt, bàn chân lõm, bàn chân vẹo trong, bàn chân vẹo ngoài...)
		D. CÁC KỸ THUẬT KHÁC
66	251	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
	Tổng số: 66 Kỹ thuật	